

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210001	ĐẶNG TRƯỜNG AN	19/06/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
2	210002	NGUYỄN THANH AN	16/10/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
3	210003	PHẠM TIẾN AN	20/08/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
4	210004	PHÙNG THỊ THU AN	02/11/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
5	210005	BÙI HẢI ANH	27/06/2008	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
6	210006	BÙI HOÀNG ANH	25/06/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
7	210007	BÙI PHƯƠNG ANH	20/08/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
8	210008	BÙI TUẤN ANH	09/02/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
9	210009	BÙI TUẤN ANH	24/02/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
10	210010	CHỦ VÂN ANH	01/01/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
11	210011	DƯƠNG NGỌC ANH	17/09/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
12	210012	LÊ ĐỨC ANH	17/11/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
13	210013	NGUYỄN ĐỨC ANH	08/05/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
14	210014	NGUYỄN NGỌC ANH	11/03/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
15	210015	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	07/04/2008	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
16	210016	NGUYỄN QUỲNH ANH	09/12/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
17	210017	PHẠM NGỌC ANH	17/10/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
18	210018	PHẠM TÚ ANH	23/11/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
19	210019	TRẦN HẢI ANH	15/06/2008	Trường THCS Hiền Khánh	Tiếng Anh	
20	210020	TRẦN PHƯƠNG ANH	14/05/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
21	210021	TRẦN QUỐC ANH	13/07/2008	Trường THCS Phùng Chí Kiên	Tiếng Anh	
22	210022	TRẦN QUỲNH ANH	02/08/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
23	210023	TRẦN TIẾN ANH	12/07/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
24	210024	TRẦN TUẤN ANH	29/04/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210025	VŨ HOÀNG ANH	06/07/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
2	210026	TRẦN THỊ HẢI ANH	15/07/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
3	210027	NGUYỄN THỊ LAN ANH	12/09/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
4	210028	NGUYỄN THỊ LAN ANH	18/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
5	210029	NGUYỄN XUÂN NAM ANH	24/10/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
6	210030	TRẦN THỊ NGỌC ANH	06/08/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
7	210031	VŨ THỊ NGỌC ANH	11/05/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
8	210032	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	31/05/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
9	210033	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	19/01/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
10	210034	TRẦN VŨ QUỲNH ANH	23/10/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
11	210035	VŨ TRẦN VIỆT ANH	18/10/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
12	210036	TRẦN MINH ÁNH	04/12/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
13	210037	VŨ MINH ÁNH	03/06/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
14	210038	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	21/01/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
15	210039	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	24/04/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210040	NGUYỄN XUÂN BÁCH	21/12/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
17	210041	NGUYỄN GIA BẢO	29/06/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
18	210042	TRẦN THANH BÌNH	29/10/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
19	210043	NGUYỄN VĂN BỒN	03/07/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
20	210044	TRẦN ĐÌNH CẢNH	20/05/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
21	210045	TRẦN BẢO CHÂM	29/10/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
22	210046	TRẦN THỊ MINH CHÂU	22/06/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
23	210047	TRẦN KIM CHI	09/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
24	210048	NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI	03/12/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210049	NGÔ THỊ QUỲNH CHI	24/09/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
2	210050	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	31/08/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
3	210051	TRẦN THỊ QUỲNH CHI	21/04/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
4	210052	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	30/05/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
5	210053	BÙI PHƯƠNG CHINH	21/07/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
6	210054	NGUYỄN ĐẮC CÔNG	08/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
7	210055	VŨ THÀNH CÔNG	21/02/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
8	210056	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	29/08/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210057	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	04/11/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
10	210058	MAI TÚ ĐIỂM	25/04/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
11	210059	MAI HỒNG ĐIỂN	29/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
12	210060	NGUYỄN CÔNG DOANH	30/01/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
13	210061	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	03/04/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
14	210062	HOÀNG VŨ DUY	09/06/2008	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
15	210063	PHẠM THẾ DUY	03/01/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
16	210064	TRẦN THỊ DUYÊN	01/01/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
17	210065	NGUYỄN ĐẮC DŨNG	25/01/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
18	210066	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	04/02/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
19	210067	PHẠM NGỌC DŨNG	26/05/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
20	210068	PHẠM THẾ DŨNG	04/01/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
21	210069	PHẠM TIẾN DŨNG	22/08/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
22	210070	VŨ TIẾN DŨNG	04/02/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
23	210071	NGÔ THÙY DƯƠNG	01/10/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
24	210072	TRẦN THỦY DƯƠNG	05/01/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210073	TRẦN THỊ ĐÀO	03/05/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
2	210074	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	24/03/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
3	210075	PHẠM THẾ ĐẠT	20/09/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
4	210076	PHẠM TIẾN ĐẠT	08/04/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
5	210077	PHẠM VĂN ĐẠT	06/10/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
6	210078	TRẦN XUÂN ĐẠT	22/03/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
7	210079	VŨ THÀNH ĐẠT	14/03/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
8	210080	VŨ THÀNH ĐẠT	24/04/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210081	BÙI HẢI ĐĂNG	21/07/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
10	210082	TRẦN KHẮC ĐỊNH	21/11/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
11	210083	NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	23/01/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
12	210084	BÙI MINH ĐỨC	04/11/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
13	210085	ĐÀO VĂN ĐỨC	17/10/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
14	210086	NGÔ MINH ĐỨC	28/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
15	210087	NGUYỄN MINH ĐỨC	10/12/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
16	210088	NGUYỄN THẾ GIANG	15/07/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
17	210089	PHẠM MINH GIANG	11/03/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
18	210090	TRẦN HƯƠNG GIANG	04/03/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
19	210091	TRẦN THU GIANG	29/03/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
20	210092	TRẦN TRƯỜNG GIANG	21/12/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
21	210093	NGUYỄN THỊ HỒNG GIANG	23/04/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
22	210094	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	30/06/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
23	210095	VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	22/01/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
24	210096	VŨ VĂN GIÁP	12/08/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210097	PHẠM THỊ HÀ	02/11/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
2	210098	PHẠM THUÝ HÀ	16/06/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
3	210099	TRẦN THU HÀ	06/01/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
4	210100	NGUYỄN ĐỨC HẢI	24/06/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
5	210101	VŨ BÁ HẢI	21/01/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
6	210102	VŨ VĂN HẢI	09/02/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
7	210103	PHÙNG GIA HÂN	01/09/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
8	210104	TRẦN NGỌC HÂN	23/11/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
9	210105	VŨ THỊ NGỌC HÂN	25/09/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
10	210106	TRIỆU ĐÌNH HẬU	28/12/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
11	210107	TRẦN KHÁNH HẰNG	03/09/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
12	210108	TRẦN THU HẰNG	14/11/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
13	210109	VŨ THANH HẰNG	15/07/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
14	210110	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	17/10/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
15	210111	NGÔ NGỌC HIẾU	21/10/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
16	210112	NGUYỄN HỮU HIẾU	28/08/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
17	210113	NGUYỄN TRUNG HIẾU	31/01/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
18	210114	TRẦN ĐỨC HIẾU	04/01/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
19	210115	TRẦN THẾ HIẾU	13/12/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
20	210116	VŨ MINH HIẾU	20/09/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
21	210117	BÙI THU HIỀN	16/05/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
22	210118	HOÀNG THU HIỀN	07/05/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
23	210119	NGUYỄN THẢO HIỀN	27/04/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
24	210120	PHẠM THU HIỀN	13/05/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210121	BÙI THỊ KIM HIỀN	14/11/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
2	210122	DƯƠNG HÀ NGỌC HIỀN	14/03/2008	Trường THCS Tam Thanh	Tiếng Anh	
3	210123	TRẦN THỊ THANH HIỀN	27/01/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
4	210124	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	09/09/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
5	210125	TRẦN KHÁNH HIỆP	08/05/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210126	VŨ HUY HIỆU	18/05/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
7	210127	NGUYỄN PHƯƠNG HOA	22/03/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
8	210128	NGUYỄN QUỲNH HOA	18/01/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210129	NGUYỄN THỊ HOA	31/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
10	210130	NGUYỄN THỊ HOA	30/09/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
11	210131	PHẠM HỒNG HOA	07/02/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
12	210132	TRẦN THỊ HOA	09/09/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
13	210133	NGUYỄN THỊ HOÀI	12/07/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
14	210134	NGUYỄN THU HOÀI	28/09/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
15	210135	PHẠM THU HOÀI	28/07/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
16	210136	TRẦN THỊ HOÀI	15/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
17	210137	PHẠM THỊ THU HOÀI	24/04/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
18	210138	TRIỆU HUY HOÀNG	11/03/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
19	210139	PHẠM HUY HÒA	21/11/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
20	210140	NGUYỄN GIA MẠNH HÒA	07/08/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
21	210141	BÙI THỊ MINH HỒNG	02/02/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
22	210142	PHẠM HOÀNG PHI HỒNG	14/03/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
23	210143	BÙI QUANG HUY	03/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
24	210144	ĐOÀN QUANG HUY	07/10/2008	Trường THCS Thành Lợi	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210145	LÊ GIA HUY	04/11/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
2	210146	NGUYỄN ĐỨC HUY	06/08/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
3	210147	NGUYỄN NHƯ HUY	24/06/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210148	PHẠM GIA HUY	01/06/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
5	210149	PHẠM VĂN HUY	25/05/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
6	210150	TRẦN ĐỨC HUY	10/03/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
7	210151	TRẦN QUANG HUY	08/10/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
8	210152	BÙI HOÀNG QUANG HUY	28/11/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
9	210153	BÙI PHẠM QUỐC HUY	04/08/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
10	210154	BÙI THANH HUYỀN	27/08/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
11	210155	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	04/10/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
12	210156	NGUYỄN THỊ HUYỀN	05/05/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
13	210157	TRẦN MINH HUYỀN	14/10/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
14	210158	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	16/12/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
15	210159	TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	13/03/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210160	VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	02/03/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
17	210161	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	18/05/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210162	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	22/08/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
19	210163	LÊ VIỆT HÙNG	26/11/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
20	210164	NGUYỄN VĂN HÙNG	01/06/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
21	210165	VŨ VIỆT HÙNG	07/04/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
22	210166	BÙI TUẤN HÙNG	01/02/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210167	NGUYỄN DUY HÙNG	11/09/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
24	210168	PHẠM TUẤN HÙNG	13/11/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210169	TRẦN DUY HÙNG	28/04/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
2	210170	TRẦN THU HƯƠNG	28/09/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
3	210171	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	25/09/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210172	VŨ NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	02/12/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
5	210173	BÙI THỊ THU HƯƠNG	01/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
6	210174	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	30/03/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
7	210175	TRẦN THU HƯỜNG	09/11/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
8	210176	NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG	09/02/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
9	210177	BÙI MAI HỮU	07/03/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
10	210178	VŨ DUY KHANH	31/05/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
11	210179	HOÀNG THỊ MINH KHANH	20/01/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
12	210180	NGUYỄN GIA KHÁNH	17/02/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
13	210181	TRẦN MINH KHÁNH	23/10/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
14	210182	VŨ DUY KHÁNH	24/12/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
15	210183	TRẦN VĂN KHẢI	18/05/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
16	210184	PHẠM GIA KHÔI	10/12/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
17	210185	NGUYỄN TRUNG KIÊN	29/08/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
18	210186	BÙI TẮT KIỆT	29/06/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210187	ĐOÀN TUẤN KIỆT	19/11/2008	Trường THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
20	210188	NGUYỄN THANH LAM	02/01/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
21	210189	NGUYỄN THỊ LAM	25/11/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
22	210190	TRẦN NGỌC LAM	17/06/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
23	210191	TRẦN HOÀNG LAN	24/02/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
24	210192	PHÙNG THỊ HOÀNG LAN	13/09/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210193	TRẦN THỊ MAI LAN	20/12/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
2	210194	NGUYỄN THỊ LANH	24/03/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
3	210195	NGUYỄN TUẤN LÂM	14/06/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
4	210196	PHẠM VĂN LÂM	11/09/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
5	210197	BÙI PHƯƠNG LINH	15/11/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
6	210198	BÙI QUANG LINH	04/12/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
7	210199	HOÀNG PHƯƠNG LINH	25/06/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
8	210200	LÊ PHƯƠNG LINH	18/05/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
9	210201	NGÔ HOÀNG LINH	11/08/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
10	210202	NGUYỄN KHÁNH LINH	18/07/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
11	210203	NGUYỄN MAI LINH	03/01/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
12	210204	NGUYỄN NGỌC LINH	30/01/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
13	210205	NGUYỄN NGỌC LINH	20/06/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
14	210206	NGUYỄN THÙY LINH	31/10/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
15	210207	VŨ THỊ LINH	20/06/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
16	210208	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	12/07/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
17	210209	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	03/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
18	210210	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	30/12/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210211	TRẦN THỊ KIỀU LINH	26/09/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
20	210212	TRIỆU THỊ NGỌC LINH	07/02/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
21	210213	CHỬ THỊ PHƯƠNG LINH	16/01/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
22	210214	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG LINH	15/09/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
23	210215	NGÔ THỊ THÙY LINH	21/01/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
24	210216	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	01/01/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210217	PHẠM THỊ THÙY LINH	29/04/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
2	210218	TRẦN THỊ THÙY LINH	28/12/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
3	210219	TRẦN THỊ YẾN LINH	28/11/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
4	210220	PHẠM PHƯƠNG LOAN	20/05/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
5	210221	TRẦN VĂN LỢI	17/12/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210222	NGUYỄN ĐỨC LUÂN	11/06/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
7	210223	PHẠM NGỌC LUÂN	07/08/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
8	210224	NGUYỄN BÁ LƯƠNG	22/04/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
9	210225	NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	23/06/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
10	210226	NGUYỄN CẨM LY	14/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
11	210227	PHẠM KHÁNH LY	15/09/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
12	210228	PHẠM KHÁNH LY	01/10/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
13	210229	TRỊNH KHÁNH LY	19/01/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
14	210230	TRẦN THỊ HẢI LY	12/10/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
15	210231	TRẦN THỊ KHÁNH LY	15/05/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210232	VŨ THỊ KHÁNH LY	25/03/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
17	210233	TRẦN THỊ THANH MAI	30/10/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
18	210234	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	30/07/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210235	PHẠM VĂN MẠNH	09/01/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
20	210236	TRẦN CÔNG MẠNH	09/01/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
21	210237	VŨ ĐỨC MẠNH	05/04/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
22	210238	PHẠM THỊ MẶN	15/10/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
23	210239	BÙI DUY MINH	04/11/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
24	210240	CỦ NGỌC MINH	13/09/2008	Trường THCS Yên Bình	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210241	ĐỖ VĂN MINH	15/08/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
2	210242	TRẦN BÌNH MINH	25/09/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
3	210243	TRẦN QUANG MINH	23/07/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
4	210244	VŨ THỊ PHƯƠNG MINH	23/01/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
5	210245	ĐỖ VĂN MONG	17/05/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
6	210246	PHẠM THỊ MƠ	22/03/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
7	210247	NGUYỄN HÀ MY	03/04/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
8	210248	NGUYỄN TRÀ MY	30/03/2008	Trường THCS Hiền Khánh	Tiếng Anh	
9	210249	PHẠM HÀ MY	08/04/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
10	210250	TRẦN THỊ HÀ MY	24/05/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
11	210251	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	06/01/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
12	210252	VŨ PHẠM TRÀ MY	08/12/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
13	210253	NGUYỄN THÀNH NAM	17/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
14	210254	NGUYỄN VĂN NAM	13/06/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
15	210255	TRẦN NGỌC NAM	02/11/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210256	TRẦN NHẬT NAM	12/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
17	210257	VŨ MINH NAM	04/12/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210258	VŨ THÀNH NAM	20/06/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
19	210259	BÙI THỊ THU NGA	15/04/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
20	210260	VŨ THỊ HỒNG NGÁT	30/03/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
21	210261	BÙI THẢO NGÂN	26/12/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
22	210262	HỒ HẠNH NGÂN	04/08/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
23	210263	PHẠM MINH NGÂN	19/01/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
24	210264	TRẦN THẢO NGÂN	21/03/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210265	VŨ THỊ KIM NGÂN	15/11/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
2	210266	PHẠM THỂ NGHỊ	31/05/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
3	210267	TRẦN ĐÌNH NGHĨA	12/12/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
4	210268	TRẦN TRỌNG NGHĨA	15/03/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
5	210269	BÙI THANH NGOAN	13/12/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
6	210270	BÙI MINH NGỌC	15/07/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
7	210271	DƯƠNG HỒNG NGỌC	07/12/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
8	210272	ĐÌNH BẢO NGỌC	19/12/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
9	210273	VŨ BẢO NGỌC	31/07/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
10	210274	VŨ MINH NGỌC	22/04/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
11	210275	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	19/09/2008	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
12	210276	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	03/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
13	210277	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	27/03/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
14	210278	BÙI HẠNH NGUYỄN	16/08/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
15	210279	BÙI NGỌC NGUYỄN	30/06/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
16	210280	HOÀNG CÔNG NGUYỄN	18/01/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
17	210281	HOÀNG THẢO NGUYỄN	22/04/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
18	210282	PHẠM TRẦN PHƯƠNG NGUYỄN	22/08/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
19	210283	NGUYỄN MINH NGUYỆT	05/02/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
20	210284	PHẠM NHƯ NGUYỆT	11/07/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
21	210285	TRẦN ÁNH NGUYỆT	21/12/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
22	210286	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	17/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
23	210287	NGUYỄN THỊ THU NHÀI	30/06/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
24	210288	BÙI THIÊN NHÂN	02/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210289	VŨ THIÊN NHÂN	27/12/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
2	210290	PHẠM YẾN NHI	12/07/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
3	210291	TRẦN BẢO NHI	16/03/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
4	210292	BÙI MAI TUYẾT NHI	16/02/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
5	210293	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/09/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
6	210294	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	12/11/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
7	210295	TRẦN THỊ YẾN NHI	07/03/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
8	210296	TRẦN THỊ YẾN NHI	30/09/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
9	210297	PHẠM TRANG NHUNG	29/01/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
10	210298	TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG	14/05/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
11	210299	TRẦN THỊ TUỆ NHƯ	23/08/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
12	210300	NGUYỄN VĂN PHÁT	11/04/2007	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
13	210301	NGUYỄN DUY PHONG	20/12/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
14	210302	TRẦN CHẤN PHONG	06/08/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
15	210303	TRẦN GIA PHONG	07/10/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
16	210304	PHẠM XUÂN PHÚ	04/12/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	Ba HSG Địa lí tỉnh
17	210305	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	19/09/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
18	210306	PHẠM HẢ PHƯƠNG	09/10/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
19	210307	TRẦN MAI PHƯƠNG	09/01/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
20	210308	TRẦN MINH PHƯƠNG	02/06/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
21	210309	VŨ TRUNG PHƯƠNG	09/09/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
22	210310	ĐÀO MẠNH QUANG	16/12/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210311	TRẦN MINH QUANG	27/03/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
24	210312	HOÀNG ANH QUÂN	21/05/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210313	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	02/12/2008	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
2	210314	NGUYỄN MINH QUÂN	29/06/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
3	210315	PHẠM THỊ QUẾ	23/08/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
4	210316	ĐỖ MINH QUYÊN	27/08/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
5	210317	HOÀNG LỆ QUYÊN	27/07/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
6	210318	NGUYỄN THỊ THANH QUYÊN	05/07/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
7	210319	TRẦN NGỌC QUYẾT	09/05/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
8	210320	VŨ XUÂN QUYẾT	09/02/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210321	BÙI DUY QUÝ	26/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
10	210322	TRẦN LÊ NGỌC QUÝ	05/03/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
11	210323	TRẦN NHƯ QUỲNH	30/08/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
12	210324	VŨ NHƯ QUỲNH	02/05/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
13	210325	VŨ THỊ HƯƠNG QUỲNH	11/07/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
14	210326	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	11/11/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
15	210327	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUỲNH	16/11/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
16	210328	NGUYỄN THỊ ÁNH SAO	23/12/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
17	210329	NGUYỄN XUÂN SẮC	13/07/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
18	210330	BÙI XUÂN SINH	21/12/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
19	210331	BÙI THÁI SƠN	13/12/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
20	210332	TRẦN THANH SƠN	26/08/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
21	210333	PHẠM TUẤN TÀI	03/02/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
22	210334	VŨ TIẾN TÂN	17/08/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
23	210335	PHẠM THU THANH	12/07/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
24	210336	VŨ NGỌC THANH	26/01/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210337	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	27/11/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
2	210338	NGUYỄN THANH THÁI	16/10/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
3	210339	BÙI NGỌC THÀNH	07/06/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
4	210340	PHẠM MINH THÀNH	29/11/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
5	210341	BÙI THANH THẢO	15/07/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
6	210342	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	30/08/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
7	210343	NGUYỄN THU THẢO	22/03/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
8	210344	TRẦN THỊ THẢO	09/11/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210345	TRIỆU PHƯƠNG THẢO	02/12/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
10	210346	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	30/11/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
11	210347	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	02/11/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
12	210348	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	04/06/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
13	210349	PHẠM THỊ THANH THẢO	20/07/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
14	210350	TRẦN THỊ HỒNG THẨM	03/06/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
15	210351	PHẠM QUANG THẮNG	20/03/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
16	210352	PHẠM VĂN THẮNG	11/12/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
17	210353	TRẦN XUÂN THẮNG	05/01/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
18	210354	MUỖN GIA THỊNH	02/11/2008	Trường THCS Hiền Khánh	Tiếng Anh	
19	210355	MAI THỊ KIỀU THƠM	16/01/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
20	210356	LÊ THỊ THÊM THƠM	30/07/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
21	210357	PHÙNG THỊ THU	11/11/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
22	210358	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	03/11/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210359	VŨ THỊ THÚY	27/12/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
24	210360	BÙI THỊ THANH THÚY	03/06/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210361	DƯƠNG THU THỦY	20/11/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
2	210362	BÙI ANH THỤ'	14/11/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
3	210363	PHẠM ANH THỤ'	18/11/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
4	210364	TRẦN ANH THỤ'	09/12/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
5	210365	VŨ THỊ THỤ'	22/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210366	TRẦN NGỌC ANH THỤ'	27/10/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
7	210367	TRẦN THỊ ANH THỤ'	30/04/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
8	210368	VŨ THỊ ANH THỤ'	11/09/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210369	LÊ THỊ MINH THỤ'	01/01/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
10	210370	NGUYỄN THỊ MINH THỤ'	08/11/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
11	210371	TRẦN THỊ MINH THỤ'	26/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
12	210372	NGUYỄN VĂN TIẾN	06/12/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
13	210373	PHẠM XUÂN TIẾN	26/11/2008	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
14	210374	TRẦN CÔNG TIẾN	22/12/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
15	210375	TRẦN ĐỨC TIẾN	12/09/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210376	PHÙNG MẠNH TIỆP	26/10/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
17	210377	ĐỖ TRỌNG TÍN	26/04/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
18	210378	BÙI XUÂN TOÀN	26/11/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
19	210379	PHÙNG ĐỨC TOÀN	16/02/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
20	210380	ĐÀO MINH TRANG	23/08/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
21	210381	HOÀNG THU TRANG	02/11/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
22	210382	NGÔ THÙY TRANG	06/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210383	NGUYỄN QUỲNH TRANG	22/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
24	210384	NGUYỄN THỊ TRANG	27/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210385	NGUYỄN THU TRANG	19/09/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
2	210386	NGUYỄN THÙY TRANG	12/08/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
3	210387	PHẠM THÙY TRANG	15/06/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
4	210388	TRẦN HUYỀN TRANG	28/06/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
5	210389	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	27/01/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
6	210390	TRẦN LÊ THỊ HUYỀN TRANG	10/05/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
7	210391	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	29/09/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
8	210392	VŨ THỊ NGỌC TRANG	28/01/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210393	NGUYỄN NỮ QUỲNH TRANG	02/02/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
10	210394	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	05/09/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
11	210395	TRẦN THỊ THÙY TRANG	07/03/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
12	210396	TRẦN THỊ THÙY TRANG	01/08/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
13	210397	PHÙNG THỊ TRÀ	10/04/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
14	210398	PHẠM THUỶ TRÂM	15/09/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
15	210399	NGÔ QUỐC TRIỆU	23/06/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
16	210400	PHẠM KIỀU TRINH	26/10/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
17	210401	BÙI ĐỨC TRUNG	22/05/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
18	210402	NGUYỄN ĐẮC TRUNG	22/01/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
19	210403	TRẦN ĐỨC TRUNG	19/01/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
20	210404	TRẦN HUY TRUNG	08/06/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
21	210405	BÙI VĂN THÀNH TRUNG	05/02/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
22	210406	CHỦ MINH TRÚC	11/04/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
23	210407	NGUYỄN THANH TRÚC	25/02/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
24	210408	NGUYỄN THANH TRÚC	09/12/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210409	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	17/07/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
2	210410	PHÙNG GIA TRƯỜNG	22/01/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
3	210411	VŨ QUANG TRƯỜNG	03/10/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210412	BÙI MINH TUẤN	09/05/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
5	210413	BÙI ANH TUẤN	09/08/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
6	210414	NGUYỄN ANH TUẤN	20/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
7	210415	NGUYỄN ĐẮC TUẤN	26/09/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
8	210416	PHẠM ANH TUẤN	21/03/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
9	210417	PHÙNG MẠNH TUẤN	16/08/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
10	210418	VŨ VĂN TUẤN	16/03/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
11	210419	VŨ TRẦN TUYÊN	05/02/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
12	210420	NGÔ PHƯƠNG TUYẾN	03/08/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
13	210421	NGUYỄN THỊ TUYẾT	01/12/2008	Trường THCS Minh Tân	Tiếng Anh	
14	210422	ĐÀO THỊ TUYỀN	30/07/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
15	210423	NGUYỄN ANH TÚ	21/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
16	210424	NGUYỄN ĐỨC TÚ	20/03/2008	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
17	210425	NGUYỄN GIA TÚ	03/10/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210426	TRẦN VĂN TÚ	08/02/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
19	210427	BÙI THANH TÙNG	07/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
20	210428	VŨ MẠNH TÙNG	08/01/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
21	210429	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	04/01/2008	Trường THCS Kim Thái	Tiếng Anh	
22	210430	TRẦN THỊ TÚ UYÊN	12/04/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
23	210431	BÙI THỊ ƯỚC	17/10/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
24	210432	ĐOÀN QUỐC VIỆT	16/01/2008	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Phòng thi số 19

Khoá ngày/...../.....

Từ SBD 210433

HĐ thi THPT HOÀNG VĂN THỤ

DANH SÁCH PHÒNG THI

Đến SBD 210443

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210433	MAI THỊ VUI	03/03/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
2	210434	TRẦN LÂM VŨ	02/07/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
3	210435	NGÔ THẢO VY	20/06/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
4	210436	PHẠM THỊ THẢO VY	30/03/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
5	210437	VŨ THỊ YẾN VY	17/07/2008	Trường THCS Liên Bảo	Tiếng Anh	
6	210438	TRẦN DOANH VỸ	12/07/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
7	210439	NGUYỄN THỊ XUÂN	31/03/2008	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
8	210440	NGUYỄN THỊ XUÂN	06/12/2008	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210441	NGUYỄN KIM XUYẾN	18/01/2008	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
10	210442	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	23/04/2008	Trường THCS Trung Thành	Tiếng Anh	
11	210443	BÙI THỊ HẢI YẾN	13/04/2008	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 11

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0